**PHÒNG GD-ĐT BÀU BÀNG THI KIỂM TRA HỌC KÌ I Năm học 2015 - 2016)**

**Trường: THCS Trừ Văn Thố Môn: HÓA HỌC 9**

**Thời gian: 60 phút( không kể thời gian phát đề)**

**Giáo Viên ra đề: Phạm Thị Hồng Liên**

**A/ MA TRẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Mức độ nhận thức | **Cộng** |
| kiến thức | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
|  | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| -Các loại hợp | - Một số ứng | - Độ mạnh , yếucủa axit.- Một số: oxit, axit, bazơ, muối quan trọng.- Tính chất hóa học: oxit, axit, bazơ, muối. | - Tính số gam | - Tính thể |  |
| chất vô cơ: oxit, | dụng và điều | chất theo nồng | tích dung |  |
| axit, bazơ, | chế: axit | độ dung dịch | dịch theo |  |
| muối. | sunfuric, natri | cho trước. (3b) | nồng độ dung |  |
|  | hidroxit |  | dịch.(3c) |  |
|  | - Sự đổi màu |  |  |  |
|  | của quỳ tím |  |  |  |
|  | trong dd axit,bazơ. |  |  |  |
| Số câu hỏi | 4 | 1 | 2 | 1 |  | 1 |  | 1 | 10 |
| Số điểm | 1,0 | 0,5 | 0,5 | 2,0 |  | 0,5 |  | 0,5 | 5,0 |
| Kim loại - phi | - Bảo vệ kim | - Hợp kim của | - Tính chất hóahọc của kim loại.- Tính chất của phi kim. |  |  |  |
| kim | loại không bị | sắt, nhôm. |  |  |  |
|  | ăn mòn. | -Ý nghĩa dãy |  |  |  |
|  | - Ứng dụngcủa kim loại. | hoạt động hóahọc của kim loại. |  |  |  |
| Số câu hỏi | 4 | 1 | 2 | 1 |  | 1 |  |  | 9 |
| Số điểm | 1,0 | 0,5 | 0,5 | 2,0 |  | 1,0 |  |  | 5,0 |
| 3.Tổng hợp các |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| nội dung trên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số câu hỏi |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số điểm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số câu hỏi | 8 | 2 | 4 | 2 |  | 2 |  | 1 | 19 |
| Tổng số đñiểm | 2 | 1 | 1,0 | 4,0 |  | 1,5 |  | 0,5 | 10,0 |
|  | 20% | 10% | 10% | 40% |  | 15% |  | 5% | 100% |

**B/ ĐỀ THI**

**I/ TRẮC NGHIỆM (3 điểm):**

**Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu chỉ ý trả lời đúng nhất, mỗi câu 0,25 điểm**

**Câu 1:** Dung dịch axit làm quỳ tím:

A. Đổi màu xanh. B. Đổi màu đỏ. C. Đổi màu vàng. D. Không đổi màu.

**Câu 2:** Thả mẫu natri vào dung dịch muối sắt (III) clorua có hiện tượng:

A. Có khí thoát ra và có kết tủa màu nâu. B. Có khí hidro thoát ra.

C. Xuất hiện kim loại sắt màu trắng xám. D. Màu dung dịch nhạt dần.

**Câu 3:** Axit mạnh là axit:

A. Phản ứng chậm với muối cacbonat. B. Phản ứng nhanh với kim loại.

C. Dung dịch không dẫn điện. C. Dung dịch dẫn điện kém.

**Câu 4:** Nhiệt phân một bazơ không tan nào sau đây thu được oxit có phân tử khối là: 80 đvC.

A. Cu(OH)2. B. Fe(OH)2. C. Zn(OH)2. D. Mg(OH)2.

**Câu 5:** Cho các công thức oxit: Fe2O3, MgO, K2O. Dãy bazơ tương ứng nào biểu diễn đúng công

thức:

A. Fe(OH)2, MgOH, K(OH)2 . B. Fe(OH)3, MgOH, KOH. C. Fe(OH)3, Mg(OH)2 , KOH. D. FeOH, MgOH, KOH.

**Câu 6:** Ngâm đinh sắt trong dung dịch CuSO4:

A. Đồng bám vào đinh sắt, đinh sắt nguyên vẹn.

B. Không có hiện tượng gì.

C. Có chất rắn màu đỏ bám vào đinh sắt, đinh sắt bị hòa tan một phần, màu xanh lam dung dịch nhạt dần.

D. Chỉ đinh sắt tan, không có chất mới sinh ra.

**Câu 7:** Cho từ từ đến dư dd kiềm vào dung dịch nhôm clorua có hiện tượng:

A. Xuất hiện kết tủa keo.

B. Xuất hiện kết tủa, sau đó kết tủa tan dần thành dd trong suốt.

C. Không hiện tượng gì.

D. Dung dịch đổi màu xanh lam.

**Câu 8:** Xác định một dung dịch khi điện phân cho các sản phẩm: NaOH, Cl2, H2

A. Na2SO4 B. Na2CO3 C. NaNO3 D. NaCl

**Câu 9:** Ở nhiệt độ cao, clo phản ứng với khí hidro sản phẩm là:

A. Hợp chất khí hidroclorua. B. Dung dịch axit clohidric.

C. Cả A, B đúng. C. Cả A, B sai.

**Câu 10:** Loại phản ứng hóa học nào xảy ra theo điều kiện: Hai chất phản ứng đều tan, sản phẩm có chất không tan.

A. Phản ứng thế. B. Phản ứng cộng

C. Phản ứng trao đổi D. Phản ứng phân hủy.

**Câu 11:** Nước tinh khiết có pH là:

A. pH >7 B. pH < 7 C. Cả A, B D. pH = 7

**Câu 12:** Dãy các kim loại nào sau đây được xếp theo thứ tự tăng dần mức độ hoạt động hóa học.

A. K, Mg, Cu, Zn, Fe, Al. B. Fe, Cu, K, Mg, Al, Zn. C. Zn, K, Mg, Cu, Al, Fe. D. Cu, Fe, Zn, Al, Mg, K.

**II/ TỰ LUẬN (7 điểm) :**

**Câu 1 (2 điể m):** Viết phương trình hóa học hoàn thành chuỗi biến hóa sau, ghi rõ điều kiện (nếu

có).

Fe2O3

1 Fe

2 FeCl3

3 Fe(OH)3

4 Fe2O3.

**Câu 2 (2điể m):** Bằng phương pháp hóa học nhận biết các dung dịch sau: NaOH, H2SO4,

Na2SO4, HCl. Viết phương trình hóa học (nếu có).

**Câu 3 (3 đ iể m):** Cho 15,5gam hỗn hợp 2 kim loại Cu, Zn vào dung dịch H2SO4 loãng dư, người

ta thu được 2,24 lit khí (đktc).

a/ Viết phương trình hóa học.

b/ Tính khối lượng chất rắn còn lại trong dung dịch.

c/ Tính thể tích dung dịch H2SO4 20% (D = 1,14 g/ml) để tác dụng hết kim loại trên

**C/ ĐÁP ÁN**

**I/ TRẮC NGHI Ệ M (3 điểm)** : Mỗi câu đúng 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| B | A | B | A | C | C | B | D | A | C | D | D |

 **I I/ TỰ LUẬ N (7 điểm) : Câu 1(2 điể m):**

Fe2O3 + 3CO

2Fe + 3Cl2

*t*0 2Fe + 3CO2 (0,5 đ)

*t*0 2FeCl3 (0,5 đ)

FeCl3 + 3NaOH Fe(OH)3 + 3NaCl (0,5 đ)

2Fe(OH)3

*t*0 Fe2O3 + 3H2O (0,5 đ)

**Câu 2 (2 điể m):**

- Dùng quỳ tím nhận ra: NaOH (quỳ tím hóa xanh), Na2SO4 (quỳ tím không đổi màu), HCl và

H2SO4 (quỳ tím hóa đỏ) (0,5đ)

- Dùng dd BaCl2 nhận ra H2SO4 có kết tủa trắng. (0,5đ)

- Phương trình hóa học: H2SO4 + BaCl2 BaSO4 + 2HCl (0,5đ)

- Còn lại HCl. (0,5đ)

(HS có thể nhận cách khác cũng vẫn cho điểm)

**Câu 3 (3 điể m):**

a/ Chỉ Zn phản ứng

Số mol khí hidro thoát ra: n2 = 2, 24 = 0,1(mol) (0,5đ)

22, 4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PTHH: Zn + | H2SO4 |  ZnSO4 + H2 |
| 0,1mol : | 0,1mol | 0,1 mol : 0,1mol |

(0,5đ)

b/ Số gam Zn phản ứng:

mZn = n.M = 0,1 x 65 = 6,5 (g) (0,5đ)

Số gam Cu (chất rắn) còn trong dung dịch:

mCu = 15,5 – 6,5 = 9 (g) (0,5đ)

c/ Số gam H2SO4 phản ứng: mH2SO4 = 0,1 x 98 = 9,8 (g) (0,25đ)

Số gam dd H2SO4: mdd H2SO4 = 9, 8*x*100 = 49(g) (0,25đ)

20

Thể tích dung dịch H2SO4 20%: Vdd= 49 = 42,98 (ml) (0,5đ)

1,14